TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 04-7-2025
*"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Đông Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1354/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (gọi tắt là Ngân hàng TMCP Q hoặc V2)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - 111 A, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay là: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S A, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng M – Khối pháp chế và Quản trị doanh nghiệp của V2.

Địa chỉ liên lạc: A N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay là: 176 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H:

1. Bà Trần Thị Tân H1

2. Bà Nguyễn Ái V1

3. Ông Tống Hữu H2

Cùng địa chỉ nhận văn bản: 176 N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay là: 176 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Ông H2 có mặt, bà H3, bà V1 vắng mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 31/10/2024).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm 1990

2.3. Ông Huỳnh Trần Anh K, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: E Khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Nay là: 50Đ/1 Khu vực 4, xã Đ, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q và người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Tân H1, ông Tống Hữu H2 trình bày:

Quá trình ký kết hợp đồng: Ngân hàng TMCP Q - V2 có ký với bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K Hợp đồng tín dụng số 9545710.20 ngày 25/11/2020 với nội dung: Số tiền giải ngân: 345.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng); Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS; Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 26/11/2020 đến ngày 25/11/2027; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9.1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V2 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm. Trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 26; Mỗi tháng trả gốc 4.107.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Kỳ trả nợ đầu tiên ngày 26/12/2020; Trả nợ lãi: Hoàn trả lãi hàng tháng vào ngày 26, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 26/12/2020; Trả phí: theo quy đinh của V2 từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. VIB đã giải ngân cho bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 9545710(1).20 ngày 25/11/2020 với số tiền 345.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 26/9/2022. Tạm tính đến ngày 15/5/2025, bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K đã trả cho V2 số tiền là 142.443.737 đồng (trong đó: gốc là 86.331.381 đồng, lãi là 56.112.356 đồng)

và còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền là 404.902.639 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm lẻ bốn triệu, chín trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng. Nay Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q ngay sau khi Bản án/Quyết định có hiệu lực thi hành, số tiền tạm tính đến ngày 04/7/2025 là 421.178.123đồng, trong đó nợ gốc là 258.668.619đồng, nợ lãi trong hạn là 41.067.544đồng, nợ lãi quá hạn là 121.441.960đồng.

2. Yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ 05/7/2025 cho đến khi bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký (Hợp đồng tín dụng 9545710.20 ngày 25/11/2020; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9545710(1).20 ngày 25/11/2020).

Ngân hàng TMCP Q không tranh chấp và không yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp trong vụ án này.

Ngoài ra, ngân hàng không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ và ý kiến nào liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hợp đồng tín dụng số 9545710.20 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9545710(1).20 cùng ngày 25/11/2020, lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thể hiện bị đơn bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K có vay của nguyên đơn số tiền 345.000.000đồng, bị đơn đã nhận đủ số tiền giải ngân theo hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn số tiền số tiền là 142.443.737 đồng. Từ tháng 10/2022 đến nay thì bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ số tiền gốc và lãi nào nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q. Buộc bị đơn bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/7/2025 là 421.178.123đồng, trong đó nợ gốc là 258.668.619đồng, nợ lãi trong hạn là 41.067.544đồng, nợ lãi quá hạn là

121.441.960đồng và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 05/7/2025 cho đến khi trả xong nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K phải trả cho ngân hàng số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Do các bên không thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nơi bị đơn cư trú có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do bị đơn bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K có địa chỉ tại Khu V, xã Đ, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ngày 25/11/2020, Ngân hàng TMCP Q - V2 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 9545710.20 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9545710(1).20 cùng ngày 25/11/2020 với bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K với số tiền vay 345.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS. Các bên thỏa thuận thời hạn vay 84 tháng, kể từ ngày 26/11/2020 đến ngày 25/11/2027; lãi suất ưu đãi 9,1%/năm trong 12 tháng đầu, sau đó điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần theo lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/năm; phương thức trả nợ gốc và lãi hàng tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao dịch. Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ có nội dung và hình thức không trái quy định của pháp luật, đã được các bên tự nguyện ký kết. Do đó, Hợp đồng tín dụng 9545710.20 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9545710(1).20 cùng ngày 25/11/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát

sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại các Điều 117, Điều 385, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc: Theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ thì các bên thỏa thuận phương thức giải ngân là tiền mặt, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn đã cung cấp Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 25/11/2020, thể hiện: Bị đơn đã nhận đủ số tiền giải ngân của Hợp đồng tín dụng là 345.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn số tiền số tiền là 142.443.737 đồng, trong đó: gốc là 86.331.381 đồng, lãi là 56.112.356 đồng. Từ tháng 10/2022 đến nay thì bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ số tiền gốc và lãi nào, do đó, theo nội dung của hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết (mục 1.5 Hợp đồng tín dụng) và vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc còn lại là 258.668.619đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu về thanh toán tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đến hết ngày 04/7/2025, bao gồm: Tiền lãi trong hạn và quá hạn là 162.509.504đồng (trong đó: nợ lãi trong hạn là 41.067.544đồng và nợ lãi quá hạn là 121.441.960đồng). Xét số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo thỏa thuận được quy định tại mục 1.4 của Hợp đồng tín dụng và mục 6 của Khế ước nhận nợ và khoản 2 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Theo nội dung của Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết thì phía bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận. Nhưng đến hạn, phía bị đơn không thực hiện đúng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết và vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn nêu trên là có căn cứ.

[2.4] Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 05/7/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.5] Ngân hàng TMCP Q xác định không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thế chấp và không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không xem xét xử lý tài sản bảo đảm trong vụ án này.

[2.6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn đưa ra. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận toàn bộ. Buộc bị đơn bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/7/2025 là 421.178.123đồng, trong đó nợ gốc là 258.668.619đồng, nợ lãi trong hạn là 41.067.544đồng, nợ lãi quá hạn là 121.441.960đồng và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 05/7/2025 cho đến khi trả xong nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

1. Buộc bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/7/2025 là 421.178.123đồng (bốn trăm hai mươi mốt triệu một trăm bảy mươi tám nghìn một trăm hai mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 258.668.619đồng (hai trăm năm mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm mười chín đồng), nợ lãi trong hạn là 41.067.544đồng

(bốn mươi mốt triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn là 121.441.960đồng (một trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày 05/7/2025, bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K còn phải trả tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Thanh L và ông Huỳnh Trần Anh K phải liên đới chịu 20.847.000đồng (hai mươi triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 8.059.000đồng (tám triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004308 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Tây Ninh).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 3 - Tây Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phan Thị Thúy Hồng